

Số: 188/2019/QĐST-HNGĐ

Hải Châu, ngày 10 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc việc hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa người yêu cầu:

- Ông **Cao Hữu H** - sinh năm 1987; Trú tại: đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;

- Bà **Lê Nguyễn Thục T** - sinh năm 1989; Trú tại: đường L, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc hướng dẫn về nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân của Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn do Trung tâm Hòa giải - Đối thoại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng lập ngày 02 tháng 7 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 02 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:

- Ông **Cao Hữu H** - sinh năm 1987; Trú tại: đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;

- Bà **Lê Nguyễn Thục T** - sinh năm 1989; Trú tại: đường L, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng;

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Hữu H và bà Lê Nguyễn Thục T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Cao Hoàng Anh T, sinh ngày 21/10/2013 cho bà Lê Nguyễn Thục T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Cao Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu cấp dưỡng có đơn yêu cầu cấp dưỡng, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì hàng tháng người phải cấp dưỡng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm cấp dưỡng.

Vì quyền lợi của con chung, các bên vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Cao Hữu H và bà Lê Nguyễn Thục T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0007254 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (*Ông Cao Hữu H và bà Lê Nguyễn Thục T đã nộp đủ lệ phí*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Hòa Cường Bắc
(Hs số 90/2012, quyển 01/2011
ĐK ngày 10/7/2012);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đoàn Công Quốc